

TÁI CẤU TRÚC NỀN KINH TẾ ĐỂ TÌM CƠ HỘI TRONG KHỦNG HOẢNG - KHẢ THI HAY ẢO TƯỢNG

Lê Xuân Đình*

1. Khủng hoảng kinh tế - tính chu kỳ và những nội dung mới

Khủng hoảng kinh tế mang tính chu kỳ lặp đi lặp lại mà các nhà kinh tế có thể dự đoán trước được. Thế nhưng mỗi lần khủng hoảng xảy ra thì nhiều nền kinh tế vẫn tỏ ra bị động, bất ngờ vì cách thức xảy ra khủng hoảng và sức tàn phá của chúng là khác nhau. Lần đầu tiên trong giai đoạn phát triển của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, sử sách đã ghi nhận được cuộc khủng hoảng trong lĩnh vực công nghiệp xảy ra đầu tiên vào năm 1825.

Trong giai đoạn thị trường tự do hay tự do cạnh tranh, chu kỳ khủng hoảng diễn ra lặp đi lặp lại cứ từ 8 – 12 năm một lần. Nhưng trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, nhất là có sự can thiệp, điều tiết của nhà nước, thì khủng hoảng diễn ra theo chu kỳ 5 – 6 năm một lần. Lần khủng hoảng tồi tệ nhất đã đi vào lịch sử của thế giới tư bản là vào năm 1929 – 1933 gây ra cuộc đại suy thoái. Cuộc khủng hoảng có sức công phá mạnh vào cuối thế kỷ XX là khủng hoảng năng lượng xảy ra vào năm 1974 – 1975.

Bước sang thế kỷ XXI, cuộc khủng hoảng tài chính, bắt nguồn từ tín dụng dưới chuẩn về nhà ở và bất động sản ở Mỹ, nhưng theo nhiều đánh giá đây chỉ là “giọt nước làm tràn ly”. Qua cuộc khủng hoảng và suy thoái toàn cầu vừa rồi lại càng thấy rõ thêm bản chất của nó đều là khủng hoảng chu kỳ, cung vượt quá cầu dẫn đến suy thoái kinh tế toàn cầu. Bằng chứng là ô tô không tiêu thụ được làm cho nhiều hãng sản xuất ô tô phá sản, đứng bên bờ vực phá sản hoặc điều

đứng. Nông dân Pháp phải đổ sữa ra đường, xuống sông hồ vì giá sữa quá rẻ, thu không đủ bù chi...

Qua mỗi lần khủng hoảng các nước tư bản đều tự điều chỉnh mình, nhất là tìm cách trách hoặc hạn chế sức công phá của nó, thế nhưng ngay cả ông Alan Greenspan, cựu Chủ tịch FED đã khẳng định, “khủng hoảng là tất yếu phải xảy ra, cho dù có ai đó tìm ra con đường có thể xoay chuyển lẽ tự nhiên đó, chúng ta vẫn phải đối mặt với nhiều cuộc khủng hoảng khác và chẳng có cuộc nào giống cuộc nào cả”.

Nhìn sang các nước thuộc khối Bắc Âu thì thấy, tác động tiêu cực của khủng hoảng không đến nỗi ghê gớm lắm. Có những doanh nghiệp xuất khẩu linh kiện sang Mỹ chiếm tới 70% sản lượng, những do khủng hoảng mà bị cắt lượng sản phẩm lớn như vậy, nhưng công nhân vẫn đi làm cầm chừng, nhận lương đều đều do chi phí cho một chỗ thất nghiệp còn lớn hơn là để công nhân đi làm cầm chừng như vậy. Điều đó chứng tỏ an sinh xã hội và mức độ phân phối công bằng hơn sẽ ít bị tác động tiêu cực hơn khi khủng hoảng xảy ra.

Về mặt lý thuyết, có thể cắt nghĩa rằng sức tiêu dùng cuối cùng mạnh hay yếu phụ thuộc vào thu nhập của quảng đại quần chúng nhân dân. Sản xuất thừa là vì xảy ra tình trạng mất cân đối lớn giữa nhu cầu có khả năng thanh toán của dân chúng với công suất hiện có tại một thời điểm nào đó của quá trình tái sản xuất xã hội.

* Lê Xuân Đình, Phó Giáo sư, Tiến sỹ, Trưởng Ban kinh tế, Tạp chí Cộng sản.

Đối với Việt Nam, mặc dù nền kinh tế chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường chưa được bao lâu, nhưng tình trạng sản xuất thừa đã xuất hiện trong nhiều ngành hàng, chu kỳ tăng trưởng giảm sút đang được nhắc đi nhắc lại với khoảng thời gian 10 năm đã lộ rõ. Nền kinh tế ngày càng lệ thuộc vào thị trường thế giới, khi kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh cả về giá trị tuyệt đối lẫn tỷ trọng so với GDP. Bởi vậy, khi nhu cầu tiêu thị trên các thị trường nước ngoài bị cắt giảm thì nền kinh tế rơi vào trạng thái khủng hoảng dây chuyền, sản xuất thừa, nhân công bị cắt giảm, thất nghiệp...

Ở một khía cạnh hẹp hơn, có thể xem xét mối quan hệ tương tác giữa thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu. Có một van an toàn để bù đắp khoản thiếu hụt nhu cầu trên thị trường xuất khẩu là kích thích tiêu dùng trong nước. Vậy có phải tái cấu trúc nền kinh tế là nhằm tìm cách tạo được những khả năng để nền kinh tế có thể tránh được tối đa tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế?. Thời gian trước đây hơn 10 năm, khoảng từ năm 1998 những ý tưởng về tái cấu trúc cũng đã xuất hiện ở phương diện hướng vào thị trường trong nước như cái “van an toàn” cho xuất khẩu lúc thị trường thế giới khủng hoảng.

Muốn phát triển thị trường trong nước thì phải chăm lo đến đời sống của quảng đại quần chúng nhân dân, nhất là 2/3 dân số khu vực nông thôn. Thế nhưng khi kinh tế thế giới phục hồi sau khủng hoảng tài chính 1997, thì chúng ta lại lao vào sản xuất, gia công để xuất khẩu, nay kim ngạch xuất khẩu đã lên tới tỷ trọng khá cao trong GDP. Đến năm 2007 kim ngạch xuất khẩu của chúng ta đã lên đến con số trên 70% GDP, đó thực sự là một kỳ tích đáng mừng. Tuy nhiên, khi thị trường thế giới bị suy thoái, hàng loạt hợp đồng bị cắt giảm, khó khăn trong việc ký các hợp đồng xuất khẩu mới, thì câu chuyện tìm lại thị trường trong nước bắt đầu sôi động trở lại. Thị trường trong nước là gì, ai tham gia, và hiện trạng nó

đang như thế nào, lại được tiếp tục bàn cãi.

Bây giờ, từ giữa năm 2009, chúng ta lại bàn tới tái cấu trúc nền kinh tế để đề kháng với khủng hoảng, để biến thách thức thành thời cơ... Nhưng mức độ hội nhập về mǎng xuất-nhập khẩu đã khá sâu, tạo ra mối quan hệ lệ thuộc quá lớn vào thị trường thế giới mà chưa có một biện pháp phòng ngừa rủi ro nào cho thật căn cơ và bài bản cũng cần được bàn tính.

2. Tái cấu trúc nền kinh tế.

Dưới sự tác động nhiều chiều của cuộc khủng hoảng lần này, mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết, nhưng trước hết phải kể đến, đó là:

Thứ nhất, sản xuất, gia công để hưởng ra xuất khẩu làm cho nền kinh tế lệ thuộc sâu vào thế giới, nhưng lại xem nhẹ thị trường trong nước. Lúc sức tiêu thụ bên ngoài giảm mạnh, thì những mặt hàng gia công – xuất khẩu không dựa trên cơ sở nhu cầu thực tế của người tiêu dùng trong nước, nên lúng túng trước việc quay lại với thị trường nội địa. Đó là chưa nói tới đặc thù của nhu cầu thị trường trong nước cũng không hẳn trùng khớp với thị trường xuất khẩu. Có một sự nuối tiếc tằng, trong lúc nền kinh tế đang đương đầu với lạm phát gia tăng năm 2008 mà được “hỗ trợ” bởi lượng hàng hóa xuất khẩu quay trở lại thị trường trong nước do bị tác động bởi khủng hoảng kinh tế và suy thoái bên ngoài, thì có lẽ nền kinh tế đã có tốc độ tăng trưởng khác chứ không như hiện nay. Dường như Trung Quốc đã tận dụng được cơ hội này tốt hơn Việt Nam.

Thứ hai, tăng trưởng nhanh chủ yếu dựa vào các yếu tố mang tính chất “quảng canh” – theo chiều rộng, không chú ý các yếu tố chiều sâu. Trên dưới 54% tăng trưởng là do yếu tố tăng vốn đầu tư. Năng suất của các nhân tố tổng hợp chậm được cải thiện, thậm chí giảm dần. Bởi vậy, càng thúc đẩy tăng trưởng nhanh, quy mô vốn, quy mô sản xuất càng phải tăng mạnh, trong lúc giá trị gia tăng thấp. Những khâu gia công xuất khẩu cũng thường có giá trị gia tăng thấp cộng với

gánh nặng về xã hội, phải ưu tiên cho công nghệ sử dụng nhiều lao động để tạo nhiều việc làm và sự khai thác thái quá đặc điểm lao động rẻ,... Rút cục càng tăng trưởng thì càng cần thu hút thêm nhiều đầu tư, nhưng đầu tư lại kém hiệu quả, hệ số ICOR càng tăng, năng lực cạnh tranh càng ít có điều kiện để được cải thiện. Số liệu thống kê cho thấy ICOR của nền kinh tế nói chung và của các khu vực nói riêng đều có xu hướng tăng.

Bởi vậy, gần đây nhiều học giả đã nói đến *cái bẫy của thu nhập trung bình*, hay *cái bẫy của việc theo đuổi tăng trưởng nhanh*... chính là cảnh báo cho tính kém bền vững, kém đồng bộ... của nền kinh tế, mà muốn tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững là phải khắc phục được những khiếm khuyết cố hữu của nó.

Đã thế, trong điều hành vĩ mô cũng đang còn nhiều mặt tồn tại. Có diễn đàn đã có người phát biểu rằng, trong chống lạm phát năm 2008 chúng ta đã “phanh quá gấp”, đang phanh gấp thì gặp khủng hoảng tài chính, rồi chuyển sang khủng hoảng kinh tế, suy thoái kinh tế toàn cầu (khởi đầu từ Mỹ); chúng ta lại phải nói phanh ra (cũng đột ngột), kích thích kinh tế để ngăn chặn suy giảm tăng trưởng. Có lẽ trong nghiên cứu các nhà kinh tế cũng nên xác định được đối với nền kinh tế đang cần đầu tư lớn (trong đó đầu tư dài hạn chiếm tỷ trọng đáng kể) để tăng trưởng nhanh, thì mức độ lạm phát an toàn hay hợp lý cũng phải cao hơn những nước công nghiệp phát triển, chứ không thể giống nhau được. Nếu lạm phát ở mức 3% như IMF khuyến nghị, thì môi trường đầu tư không thể năng động được, chưa nói nền kinh tế có thể rơi vào trạng thái thiếu phát, thiếu tiền mặt trong lưu thông.

Kích cầu, hay nói chuẩn xác hơn là kích thích kinh tế, có nghĩa là tăng ga cho cỗ xe kinh tế Việt Nam, là một việc làm cần thiết và đúng hướng, nhưng cần phải có trọng tâm, trọng điểm. Chẳng hạn, kích thích tăng trưởng vào những lĩnh vực chiến lược mà khi kinh tế phục hồi thì chúng ta đã chuẩn bị

mọi điều kiện để cắt cánh. Đó chính là cơ hội để đầu tư vào cơ sở hạ tầng và nông thôn, là cần chỉnh lại các cân đối lớn của nền kinh tế, như năng lượng, điện, hệ thống lưu thông phân phối; hay tập trung vốn để hoàn thành dứt điểm những công trình đầu tư sắp kết thúc, nhằm giảm tỷ lệ vốn đầu tư chết do các công trình chậm tiến độ, ngậm vốn và dàn trải hiện đang khá lớn... Kích thích kinh tế như vậy giống như một mũi tên trúng ít nhất hai đích sau:

Thứ nhất: Những ngành, những lĩnh vực đó đòi hỏi phải đầu tư dài hạn, nên nó sẽ góp thêm cung tiền, làm cho lạm phát có thể nhích lên đôi chút, nhưng chúng ta tạo được việc làm, tăng thu nhập cho nền kinh tế mà không những không làm tăng thêm cung vốn đang bị thừa do khủng hoảng, nhất là cung tiêu dùng, mà còn tạo thêm cầu nhờ thu nhập của khối lao động trong khu vực này.

Thứ hai: Phát triển nông thôn chính là tạo nền tảng cho phát triển thị trường trong nước, vì số dân đông, nhưng thu nhập bằng tiền mặt rất hạn chế. Trung Quốc đã khai thác rất tốt đặc điểm này của kinh tế Việt Nam. Nhìn vào các sạp hàng tiêu dùng tại Việt Nam đa phần là hàng hóa nhập từ Trung Quốc, từ cái kim, sợi chỉ, đến đồ chơi các loại... nhiều vô kể, mà lại rẻ hợp túi tiền của đa số dân nghèo. Nên không khéo kích cầu lại rơi vào hàng nhập khẩu giá rẻ chính là ở khâu này. Vậy doanh nghiệp Việt Nam đã làm được những gì, tuy đã khá nhiều những chắc chắn là chưa đủ. Bởi vậy, tôi ủng hộ quan điểm cho rằng nếu cân nhắc thấy thật sự cần thiết cho nền kinh tế, mà khu vực tư nhân và khu vực đầu tư nước ngoài không làm, thì nhất thiết phải đầu tư từ ngân sách. Trong đó có việc phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước.

Tái cấu trúc nền kinh tế hiện nay là phải nhắm đến thời kỳ kinh tế thế giới phục hồi hoàn toàn với hy vọng có sự thay đổi nào đó trong trật tự kinh tế thế giới, đồng thời tìm cách để kinh tế Việt Nam tham gia tốt nhất vào chuỗi giá trị toàn cầu, phân công lao

động toàn cầu. Muốn làm được điều đó, tái cấu trúc nền kinh tế phải gắn chặt với tái cấu trúc lại thị trường, bao gồm thị trường trong nước, thị trường nước ngoài, và mối quan hệ giữa thị trường nội địa và thị trường quốc tế.

Kết nối giữa hai thị trường này làm sao để thị trường trong nước có thể đóng vai trò “van an toàn” cho thị trường xuất khẩu mới là khó. Nhiều học giả chỉ trích nhiều đến vấn đề gia công nhưng để có những bước đi ban đầu chúng ta phải chấp nhận gia công, song cái chính là chúng ta phải biết tận dụng giai đoạn này một cách hiệu quả nhất để xây dựng thương hiệu, hội nhập vào chuỗi phân phối và chuỗi giá trị toàn cầu, để sớm thoát ra và thay đổi từ gia công sang sản xuất – chế tác có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu, từng bước có thương hiệu và củng cố dần uy tín thương hiệu cả quốc gia lẫn ngành hàng sản phẩm.

Tái cấu trúc nền kinh tế phải gắn liền với tái cấu trúc hệ thống các doanh nghiệp, tái cấu trúc từng doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước. Đây cũng chính là những nội dung tiếp theo mà bài viết này muốn đề cập.

3. Tái cấu trúc hệ thống các doanh nghiệp

Theo nhiều chuyên gia kinh tế, thì hiện nay các doanh nghiệp Việt Nam đang bị sàng lọc rất mạnh, nhưng lại cũng đang được bảo hộ nâng đỡ khá lớn. Sàng lọc nghĩa là, doanh nghiệp nào khỏe, có sức cạnh tranh được, xoay sở được... thì tiếp tục phát triển nhanh, còn yếu thì có nguy cơ phá sản. Đây là một quy luật đào thải tốt của thị trường nhưng trong nền kinh tế Việt Nam, có lúc, có nơi, lại không hoàn toàn được như vậy. Đó là điều đáng tiếc, vì trong cơ chế đó đồng vốn thường không có điều kiện đầy đủ để tìm đến nơi có tỷ suất lợi nhuận cao hơn, sử dụng được hiệu quả hơn, trái với quy luật bình quân hóa lợi nhuận, làm cho thị trường nhiều lúc bị méo mó. Hỗ trợ lãi suất vừa qua đã không sàng lọc được theo cơ chế cạnh tranh và đào thải này. Chẳng hạn như Công

ty Hanel Hà Nội đã đầu tư dây chuyền lạc hậu trong việc sản xuất màn hình vô tuyến, nay thị trường không còn nhu cầu nữa mà vẫn duy trì sự tồn tại lay lắt của nó là một việc làm có hại cho nền kinh tế.

Luật Phá sản chưa thực sự hoạt động tốt đã đành, sự bảo hộ có tính chất cào bằng của Chính phủ, nhất là trong gói kích cầu vừa qua, không ít doanh nghiệp công nghệ lạc hậu quá mà vẫn được vay vốn để tiếp tục tồn tại, thì không đúng quy luật chút nào. Chưa nói cũng có những khả năng Chính phủ mất tiền oan. Do đó, thiết nghĩ cần rà lại các chính sách hiện nay để thật sự tạo môi trường cạnh tranh, môi trường sàng lọc và đào thải để cơ hội cho các doanh nghiệp có sức mạnh thực sự có điều kiện tự mình tái cấu trúc nhằm phát triển nhanh và bền vững hơn.

Câu chuyện này đối với hệ thống các doanh nghiệp Việt Nam đang có quá nhiều vấn đề:

- Môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư đối với hệ thống doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;
- Vấn đề đầu tư chiều rộng, đầu tư đa ngành trong khối các doanh nghiệp nhà nước gây hậu quả dàn trải kém hiệu quả;
- Hiệu ứng đói vốn kinh niên đang rất phổ biến trong số các doanh nghiệp nhà nước;
- Vấn đề nợ chéo trong khối các doanh nghiệp nhà nước;
- Vấn đề hiệu ứng vay nợ theo kiểu công ty Ponzi, vay của người sau để trả cho người trước theo kiểu đa cấp; và
- Vấn đề bong bóng của nền kinh tế, nhất là khu vực bất động sản và tài chính.

Tất cả những vấn đề trên đang đặt ra cho việc tái cấu trúc hệ thống các doanh nghiệp, để rồi doanh nghiệp với tư cách là một mắt xích của toàn bộ nền kinh tế trong một hệ thống thống nhất thực hiện việc phát triển thị trường và kết nối thị trường trong nước với thị trường thế giới. Không có ai làm được điều đó nếu không phải là doanh nghiệp.

Bản thân từng doanh nghiệp thực hiện tái cấu trúc của mình, chính là phát triển thị trường và định ra chiến lược thị trường, chiến lược sản phẩm đúng đắn, từ đó mới tối ưu hóa các nguồn lực, tối ưu hóa sản xuất... để thực hiện các mục tiêu sản phẩm và mục tiêu thị trường. Bởi vậy, có quan điểm đúng khi cho rằng tái cấu trúc để thích ứng với nhu cầu thị trường và để tồn tại và phát triển là việc làm thường xuyên, liên tục, tuy mức độ điều chỉnh có thể nhiều hơn, quyết liệt hơn trong khủng hoảng. Thế nhưng, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, doanh nghiệp nhà nước nói riêng đang rất chậm chạp trong vấn đề này, nhất là trong đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh.

4. Tái cấu trúc bản thân từng doanh nghiệp

Thể chế kinh tế phù hợp thể hiện trong sự cải thiện của môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh của nền kinh tế... và tất cả sẽ biến thành lực lượng vật chất, sức mạnh tổng hợp để phát huy tối đa sức sáng tạo của con người và của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Đến lượt các doanh nghiệp thực hiện tái cấu trúc tổ chức của mình, nhưng nếu môi trường vĩ mô tốt, thì công việc tái cấu trúc của doanh nghiệp cũng sẽ tốt hơn, nhưng hiển nhiên không phải tốt một chiều:

Một là, cơ chế sàng lọc và đào thải phải được phát huy để thị trường chọn đúng những doanh nghiệp có sức sống thực sự tồn tại. Không như trong gia đình, anh nào ốm nặng hơn thì tập trung thuốc nhiều hơn để cứu chữa, đây là doanh nghiệp, sinh ra là để đóng góp, làm lợi cho xã hội, cho nền kinh tế, nếu không thì hoặc phải tự lột xác, sáp nhập hoặc phá sản, giải thể. Đó mới là thị trường, là sòng phẳng với những doanh nghiệp làm ăn tốt, hiệu quả, có đóng góp nhiều cho xã hội.

Hai là, tự thân thể chế vĩ mô đó sẽ tạo ra động lực để doanh nghiệp phải luôn luôn nghĩ đến đổi mới công nghệ, đổi mới sản

phẩm, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả để cải thiện không ngừng năng lực cạnh tranh.

Tái cấu trúc doanh nghiệp với cách nhìn như vậy không khác nhiều lắm với một chiến lược sản phẩm và chiến lược cạnh tranh phù hợp với mọi tình huống của thị trường, cho dù là khủng hoảng có xảy ra, hoặc vận trù trước được những rủi ro thị trường.

Với cách nhìn cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu như trên, thì đây không chỉ có thách thức mà đang là thời cơ để tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng cạnh tranh, phát triển bền vững.

5. Câu chuyện của doanh nghiệp nhà nước

Hiện nay, nước ta đang có 8 tập đoàn kinh tế nhà nước và 96 Tổng công ty Nhà nước hoạt động. Riêng khối doanh nghiệp nhà nước này đã chiếm 50% tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, 60% dư nợ tín dụng và 70% tổng dư nợ quốc gia, có đóng góp 40% GDP của cả nền kinh tế và 29% thu thuế nội địa của ngân sách nhà nước. Nhìn tổng thể thì quy mô là cực lớn so với nền kinh tế Việt Nam. Thế nhưng đi vào đánh giá chiều sâu thì, tính đến tháng 6-2008, chỉ riêng 76 TĐ và TCT đã được giao xấp xỉ 403 ngàn tỉ đồng và được vay thêm hơn 514 ngàn tỉ đồng, nhưng tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu lại đạt thấp so với các khu vực kinh tế khác.

Tính đến cuối năm 2008, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã bảo toàn và không ngừng làm tăng vốn chủ sở hữu, đạt gần 486 ngàn tỉ đồng. Hệ số an toàn vốn (tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu) luôn ở mức an toàn cho phép (định chuẩn thường là dưới 3). Tỷ lệ này vào cuối năm 2008 là 1,47 lần. Nói cách khác, có thể suy ra tổng nợ phải trả là khoảng 714 ngàn tỉ đồng (bằng khoảng 60% tổng dư nợ của toàn bộ hệ thống ngân hàng Việt Nam).

Đáng lưu ý là trong số nợ phải trả kể trên chỉ có gần 287 ngàn tỉ đồng (khoảng 40% tổng nợ phải trả) là nợ vay các tổ chức tín dụng trong nước và phát hành trái phiếu.

Phần còn lại, khoảng 427 ngàn tỉ, là các khoản nợ phải trả khác (nợ các doanh nghiệp khác, nợ ngân sách, nợ nước ngoài, v.v.). Trong mọi trường hợp con số này (phần còn lại) gấp khoảng 1,5 lần nợ ngân hàng và nợ trái phiếu là một sự cảnh báo không thể xem thường.

Theo báo cáo nợ nước ngoài của Bộ Tài Chính, tổng nợ nước ngoài của khu vực công (Chính phủ Trung ương, địa phương và các doanh nghiệp nhà nước) năm 2008 là 25,1% GDP. Nợ của Chính phủ hay do Chính phủ bảo lãnh là gần 356 ngàn tỉ, trong đó nợ chính thức (song phương và đa phương) là gần 311 ngàn tỉ. Như thế nợ nước ngoài trực tiếp của các doanh nghiệp nhà nước không thể lớn hơn 50 ngàn tỉ. Vậy khoản nợ phải trả còn lại cỡ 389 ngàn tỉ gồm nhiều khoản, trong đó có cả nợ chéo giữa các doanh nghiệp nhà nước với nhau. Cũng báo cáo này cho biết, tổng nợ phải thu của các tập đoàn, tổng công ty đến cuối năm 2008 là khoảng gần 186 ngàn tỉ đồng. Có lẽ các khoản phải thu này chủ yếu là các khoản cho vay lẫn nhau.

Theo đánh giá của Kiểm toán nhà nước, được nêu trong báo cáo giám sát nói trên, các tập đoàn và tổng công ty nhà nước "quản lý nợ phải thu chưa chặt chẽ nên bị chiếm dụng vốn, phát sinh nợ khó đòi nhưng nhiều khoản nợ không xác định được đối tượng, không đầy đủ hồ sơ, chưa phân loại và trích lập dự phòng, xử lý nợ khó đòi theo quy định". Nói cách khác các khoản này phần lớn là không bình thường.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, tình hình nợ lẫn nhau, nợ chéo của các doanh nghiệp, và trong trường hợp cụ thể này là của các tập đoàn và tổng công ty, là rất đáng báo động. Nợ phải thu của chúng bằng 65% mức mà chúng vay các tổ chức tín dụng, nói cách khác chúng cũng là các "tổ chức tín dụng" thực sự!

Đây là một hiện tượng mà, theo các chuyên gia, đã từng xảy ra trong quá khứ, thời kỳ đầu của đổi mới, và Nhà nước đã phải bỏ ra rất nhiều tiền bạc và công sức để giải quyết, đã tốn cả chục năm mới cơ bản giải quyết được.

Các nhà hoạch định chính sách nên lưu ý đến những bài học của lịch sử đã xảy ra trước đây để làm lành mạnh nền tài chính của đất nước; và điều quan trọng hơn cả là ngăn chặn được nạn "nợ chéo" rất nguy hiểm này để chủ động đón những đợt khủng hoảng có tính chất chu kỳ sẽ xảy ra trong tương lai; 5 – 6 năm tới hoặc 10, 12 năm tới. Đó, thiết nghĩ, cũng chính là thành công của việc lựa chọn phương án tái cấu trúc nền kinh tế lần này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các trang web:

- <http://www.laodong.com.vn/Home/No-cheo-no-phai-tra-cua-cac-tap-doan-tong-cong-ty/20099/153872.laodong>
- http://www.tapchiconsan.org.vn/details.asp?Object=14331554&News_id=30654726
- http://www.tapchiconsan.org.vn/details.asp?Object=14350349&News_id=16359068
- http://www.tapchiconsan.org.vn/details.asp?Object=22142253&News_id=3236862
- http://www.tapchiconsan.org.vn/details.asp?Object=4&News_id=24356918
- http://www.tapchiconsan.org.vn/details.asp?Object=4&News_id=291055684
- http://www.tapchiconsan.org.vn/details.asp?Object=6&News_id=13332636
- <http://www.vnexpress.net/GL/Kinh-doanh/Quoc-te/2009/09/3BA13480/>
- <http://www.vnexpress.net/GL/Xa-hoi/2008/10/3BA07D88>